



Phụ lục 2

DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ- QUY HOẠCH CHUNG XÃ- QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2026

(kèm theo Kế hoạch số 17.1.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
	Quy hoạch chung đô thị			
1	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện) - giai đoạn 2026	1/10.000	22.417	
2	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Phú	1/10.000	10.581	
3	Quy hoạch chung đô thị mới Định Quán	1/10.000	29.582	
4	Quy hoạch chung đô thị mới Xuân Lộc	1/10.000	14.050	
5	Quy hoạch chung đô thị mới Dầu Giây	1/10.000	9.887	
6	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Lợi	1/10.000	37.978	
7	Quy hoạch chung đô thị mới Thiện Hưng	1/10.000	11.097	
8	Quy hoạch chung liên phường phường Bình Long - phường An Lộc	1/10.000	13.788	
9	Quy hoạch chung đô thị mới Bù Đăng	1/10.000	15.614	
	Quy hoạch chung xã			
1	Quy hoạch chung xã Gia Kiệm	1/10.000	8.272	
2	Quy hoạch chung xã Thống Nhất	1/10.000	12.007	
3	Quy hoạch chung xã Xuân Định	1/10.000	5.229	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
4	Quy hoạch chung xã Xuân Phú	1/10.000	5.563	
5	Quy hoạch chung xã La Ngà	1/10.000	13.345	
6	Quy hoạch chung xã Phú Lâm	1/10.000	6.735	
7	Quy hoạch chung xã Tân An	1/10.000	8.024	
8	Quy hoạch chung xã Sông Ray	1/10.000	6.560	
9	Quy hoạch chung xã Xuân Đông	1/10.000	10.797	
10	Quy hoạch chung xã Thanh Sơn	1/10.000	31.540	
11	Quy hoạch chung xã Tà Lài	1/10.000	8.334	
12	Quy hoạch chung xã Nam Cát Tiên	1/10.000	8.293	
13	Quy hoạch chung xã Đak Lua	1/10.000	41.513	
14	Quy hoạch chung xã Phú Lý	1/10.000	27.900	
15	Quy hoạch chung xã Lộc Thành	1/10.000	20.610	
16	Quy hoạch chung xã Lộc Hưng	1/10.000	9.902	
17	Quy hoạch chung xã Hưng Phước	1/10.000	18.719	
18	Quy hoạch chung xã Đak Ô	1/10.000	24.649	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
19	Quy hoạch chung xã Phú Trung	1/10.000	17.203	
20	Quy hoạch chung xã Nghĩa Trung	1/10.000	22.204	
21	Quy hoạch chung xã Phước Sơn		38.656	
22	Quy hoạch chung xã Bom Bo	1/10.000	24.587	
23	Quy hoạch chung xã Xuân Thành	1/10.000	12.271	
24	Quy hoạch chung xã Xuân Bắc	1/10.000	9.644	
25	Quy hoạch chung xã Phú Vinh	1/10.000	6.945	
26	Quy hoạch chung xã Phú Hòa	1/10.000	6.153	
27	Quy hoạch chung xã Long Hà	1/10.000	16.838	
28	Quy hoạch chung xã Phước Sơn	1/10.000	38.656	
29	Quy hoạch chung xã Bình Tân	1/10.000	19.089	
	Quy hoạch phân khu			
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Hưng	1/2.000	3.240	
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Hiệp	1/2.000	1.080	
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Phước	1/2.000	4.509	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
4	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Bình	1/2.000	4.491	
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dự án sân gôn kết hợp khu đô thị, dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Nha Bích	1/2.000	177,64	Đã có chủ trương và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch
6	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Hồ Nai	1/2.000	2.285	
7	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tân Triều	1/2.000	6.332	
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Bình Lộc (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện) giai đoạn thực hiện duyệt sau khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh được duyệt	1/2.000	7.721,00	
9	Quy hoạch phân khu Phước An 4 không lập do là phạm vi rừng ngập mặn (chỉ lập quy hoạch phân khu 1/2000 trong phạm vi ranh giới Khu di tích Bia Tưởng Niệm Trung Đoàn 10 Đặc Công Rừng Sác đã được Bộ Văn hóa công nhận)	1/2.000	396,00	
10	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Xuân Đường	1/2.000	8.211	
11	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã an Phước	1/2.000	3.750	
12	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã Bình An	1/2.000	5.641	
13	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xã Phước Thái	1/2.000	8.586	
14	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực còn lại xã Long Phước	1/2.000	4.435	
15	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại (diện tích xã Long Thành mới trừ diện tích xã Long An cũ)	1/2.000	5.273	
16	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã An Viễn	1/2.000	4.774	
17	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bình Minh	1/2.000	3.668	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
18	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bàu Hàm	1/2.000	9.750	
19	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Hưng Thịnh	1/2.000	5.764	